TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 6– 2020.
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1998; nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2) Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2019, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà H và ông Lê Văn C quen biết nhau từ năm 2015, sau thời gian tìm hiểu chúng bà H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 15/02/2019.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, đôi khi ông C có đánh bà H. Bà H và ông C đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không tìm lại

được tiếng nói chung, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không hạnh phúc. Ngoài ra, ông C có mâu thuẫn với gia đình bên bà H, cụ thể là anh rể của bà H, mâu thuẫn trong việc làm ăn, từ đó thêm một lý do nữa dẫn đến cuộc sống hôn nhân của bà H không hạnh phúc. Quá trình chung sống bà H và ông C không có con chung.

Do không tiếp tục chung sống với ông C được nữa nên bà H đã chuyển ra ngoài sống riêng từ tháng 9/2019 đến nay, bà H và ông C không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng bà H không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì bà H và ông C không yêu cầu. Hiện tại, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Lê Văn C, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, trích lục kết hôn số 20/TLKH-BS ngày 15/02/2019.

Bản tự khai ngày 06/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, về con chung không có.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn ông C và bà H chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có mâu thuẫn với gia đình bên vợ, cụ thể là anh rể của bà H trong việc làm ăn, từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân của ông C và bà H không hạnh phúc. Ông C và bà H có xảy ra cãi nhau, chủ yếu là liên quan đến vấn đề kinh doanh, nhiều lúc không kìm chế được bản thân nên ông C có đánh bà H nhưng đánh nhẹ, xô đẩy chứ không dùng bạo lực mạnh với bà H.

Do giận ông C nên bà H đã chuyển ra nơi khác sinh sống nên cả hai đã sống riêng từ tháng 9/2019 đến nay. Hiện tại bà H không còn quan tâm đến cuộc sống của ông C, đồng thời ông C cũng lo làm ăn nên không qua lại với bà H, không lo lắng cho nhau nữa. Thời gian sống riêng, ông C có nhắn tin, gọi điện cho bà H nhưng không được vì bà H chặn số, ông C cũng không qua gặp bà H nói chuyện vì bà H không muốn gặp ông C. Mâu thuẫn vợ ông C và bà H không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì không yêu cầu.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông C xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà H, do đó, ông C không đồng ý ly hôn với bà H, ông C mong bà H suy nghĩ lại, quay về chung sống hạnh phúc với bà H.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C không có ý kiến trình bày nào khác và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên các ý kiến như trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân cho bà H được ly hôn với ông C; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và ông Lê Văn C chung sống với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 15/02/2019 nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà H và ông C đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà H xác định nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, ông C có vài lần dùng bạo lực với bà H, cả hai đã nhiều lần nói chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra, ông C còn gây mâu thuẫn với gia đình bên bà H, cụ thể là anh rể của bà H, từ đó làm cho mâu thuẫn gia đình trầm trọng hơn. Bà H xác định không còn tình cảm với ông C, không muốn đoàn tụ để chung sống hạnh phúc với ông C nữa.

Ông C xác định giữa ông C và bà H có mâu thuẫn, ông C có đánh bà H nhưng chỉ đánh nhẹ và xô đẩy vì cả hai có cãi nhau một số vấn đề về kinh doanh. Ngoài ra, ông C có mâu thuẫn với anh rể của bà H. Tuy nhiên, ông C xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà H nên không đồng ý ly hôn với bà H và mong bà H suy nghĩ lại, quay về chung sống hạnh phúc.

Xét thấy, hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị H và ông

Lê Văn C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Cả ông C và bà H xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn giữa và đã kéo dài. Bà H và ông C đã không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì tới cuộc sống của nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng với ông C không còn, đời sống chung không có hạnh phúc. Ông C không đồng ý ly hôn với bà H nhưng trong thời gian vợ chồng còn chung sống đã không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian hai vợ chồng ly thân, trước khi tòa án đưa vụ án ra xét xử cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông C đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H đối với bị đơn ông Lê Văn C về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà Đặng Thị H và ông Lê Văn C không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046363 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 15/02/2019).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh